

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ HỌC TẬP CẢ NĂM**  
**LỚP: 8A2 - GVCN: CHU THỊ MINH THẢO - NĂM HỌC: 2020-2021**

STT	HỌ VÀ TÊN		NỮ	Toán	Vật lí	Hóa học	Sinh học	Ngữ văn	Lịch Sử	Địa Lí	Ngoại ngữ	GDCD	Công nghệ	Thể dục	Âm nhạc	Mĩ thuật	Tin học	ĐTB	XLHL	XLHK	DHTD	K.Quả	
1	Huỳnh Vũ Ngọc	Anh	x	8.9	8.3	9.9	9.3	8.7	10	8.8	9.7	9.6	8.3	Đ	Đ	Đ	9.8	9.2	G	T	G	Lên lớp	
2	<del>Nguyễn Ngọc Trâm</del>	<del>Anh</del>	<del>x</del>																				Lên lớp
3	Trần Nguyễn Thái	Bình		6.2	8.5	8.7	8.6	7.7	8.8	8.6	9.1	8.8	7.7	Đ	Đ	Đ	8.9	8.3	K	T	TT	Lên lớp	
4	<del>Vũ Kim</del>	<del>Châu</del>	<del>x</del>																				Lên lớp
5	Đặng Hoàng	Duy		5.7	6.1	8.2	6.4	4.5	6.9	6.8	5.2	6.8	6.3	Đ	Đ	Đ	6.8	6.3	Tb	T		Lên lớp	
6	Vũ Nguyễn Thành	Đạt		4.3	7.8	7.9	7.2	5.9	7.6	7.0	6.8	8.3	8.1	Đ	Đ	Đ	8.0	7.2	Tb	T		Lên lớp	
7	Hà Anh	Đức		3.8	5.7	5.8	4.7	4.9	7.6	6.2	5.4	5.7	6.8	Đ	Đ	Đ	7.2	5.8	Tb	T		Lên lớp	
8	Trần Thị Bảo	Hân	x	6.8	7.8	7.7	8.8	7.5	9.4	8.4	7.1	9.8	8.2	Đ	Đ	Đ	8.3	8.2	K	T	TT	Lên lớp	
9	Đào Hiếu	Hân	x	8.7	8.9	10	10	8.9	9.5	9.7	9.5	10	9.1	Đ	Đ	Đ	9.5	9.4	G	T	G	Lên lớp	
10	Bùi Văn	Hậu		5.7	7.1	8.3	6.8	6.6	9.0	7.8	6.2	9.0	8.1	Đ	Đ	Đ	7.4	7.5	K	T	TT	Lên lớp	
11	Đào Thanh	Hoài	x	1.1	3.9	4.4	3.2	3.0	4.9	4.9	4.1	5.7	5.3	Đ	Đ	Đ	7.7	4.4	Kem	K		Lưu ban	
12	Phạm Ngọc	Hoàng		5.2	6.4	6.3	5.5	5.1	7.7	6.8	5.0	8.4	6.8	Đ	Đ	Đ	7.8	6.5	Tb	T		Lên lớp	
13	Vương Gia	Huy		7.6	8.3	9.3	8.8	7.2	9.4	8.0	9.0	9.1	8.0	Đ	Đ	Đ	8.3	8.5	G	T	G	Lên lớp	
14	Huỳnh Nhật	Huy		5.8	7.3	6.3	6.4	6.2	7.3	7.9	7.8	8.2	7.7	Đ	Đ	Đ	6.5	7.0	K	T	TT	Lên lớp	
15	Nguyễn Thanh	Hưng		4.8	7.1	6.1	5.8	5.9	8.4	6.8	5.4	8.6	7.5	Đ	Đ	Đ	7.7	6.7	Tb	T		Lên lớp	
16	Đào Duy	Khang		7.7	8.2	9.9	9.7	8.0	9.5	9.3	8.8	9.2	8.8	Đ	Đ	Đ	9.0	8.9	G	T	G	Lên lớp	
17	Nguyễn Dương Tường	Khang		4.1	6.7	4.8	5.4	5.4	7.2	5.5	4.7	7.3	6.7	Đ	Đ	Đ	7.3	5.9	Tb	K		Lên lớp	
18	Lê Minh	Khôi		4.0	5.6	5.8	5.4	5.1	6.7	6.2	5.9	7.2	7.0	Đ	Đ	Đ	6.0	5.9	Tb	K		Lên lớp	
19	Ngô Thị Mỹ	Lam	x	7.6	8.2	9.4	8.9	8.8	9.2	8.6	9.3	9.4	7.7	Đ	Đ	Đ	9.0	8.7	G	T	G	Lên lớp	
20	Hà Thị Kim	Ngân	x	5.4	6.4	7.0	6.7	6.0	8.0	7.4	4.5	8.1	7.5	Đ	Đ	Đ	7.4	6.8	Tb	T		Lên lớp	
21	Ngô Hoan Trọng	Nghĩa		5.7	6.8	8.4	7.2	6.7	8.2	7.4	6.1	8.5	7.4	Đ	Đ	Đ	8.6	7.4	K	K	TT	Lên lớp	
22	Trần Minh	Nguyên		6.4	7.5	7.2	7.5	6.8	7.9	7.0	5.6	8.0	7.7	Đ	Đ	Đ	7.8	7.2	K	T	TT	Lên lớp	
23	Nguyễn Thanh	Nhân		4.4	5.0	8.4	6.6	5.4	6.7	6.4	5.6	5.9	5.7	Đ	Đ	Đ	7.2	6.1	Tb	K		Lên lớp	
24	Phạm Gia	Như	x	7.6	8.3	9.9	9.3	8.3	10	9.3	8.3	9.3	7.9	Đ	Đ	Đ	9.4	8.9	G	T	G	Lên lớp	
25	Mai Thị Huỳnh	Như	x	5.1	7.3	9.6	8.7	7.0	8.8	7.3	6.0	7.9	7.8	Đ	Đ	Đ	7.8	7.6	K	T	TT	Lên lớp	
26	Lâm Thị Kim	Oanh	x	8.4	8.7	9.5	9.6	8.6	9.9	9.0	8.6	9.3	8.1	Đ	Đ	Đ	9.2	9.0	G	T	G	Lên lớp	
27	Nguyễn Ngọc	Phát		7.2	8.1	9.2	8.8	7.4	9.6	8.6	9.1	8.8	8.3	Đ	Đ	Đ	7.9	8.5	G	T	G	Lên lớp	
28	Phạm Thành	Phát		4.8	6.2	6.6	5.8	5.7	6.6	7.0	4.7	7.6	5.8	Đ	Đ	Đ	7.2	6.2	Tb	T		Lên lớp	
29	Phạm Ngọc	Phú		6.1	7.4	6.7	8.3	6.5	9.1	7.6	6.3	8.4	7.8	Đ	Đ	Đ	8.3	7.5	K	T	TT	Lên lớp	
30	Trần Tấn	Phúc		6.5	8.1	8.2	7.8	7.1	9.3	7.6	6.3	7.3	7.8	Đ	Đ	Đ	8.3	7.7	K	T	TT	Lên lớp	
31	Huỳnh Mai Ngọc	Phương	x	6.7	8.3	8.7	9.3	7.4	9.5	8.6	5.4	9.5	8.2	Đ	Đ	Đ	8.7	8.2	K	T	TT	Lên lớp	
32	Trương Phúc	Thịnh		4.4	6.7	5.7	5.8	5.7	7.0	6.0	6.2	7.7	7.1	Đ	Đ	Đ	6.9	6.3	Tb	T		Lên lớp	
33	Phạm Bùi Minh	Thư	x	8.2	8.7	9.9	9.6	8.6	9.9	9.1	8.9	9.5	8.6	Đ	Đ	Đ	9.4	9.1	G	T	G	Lên lớp	
34	Ngô Hoàng Thùy	Tiên	x	4.0	5.9	7.4	6.2	6.1	7.2	6.7	5.8	9.0	6.1	Đ	Đ	Đ	8.3	6.6	Tb	T		Lên lớp	
35	Ngô Hoan Trọng	Tin		5.5	7.3	6.6	6.9	7.4	8.7	7.6	7.4	8.1	7.6	Đ	Đ	Đ	7.5	7.3	K	T	TT	Lên lớp	
36	Lê Ngọc	Trâm	x	6.1	8.4	9.0	8.7	6.8	9.0	8.0	6.7	8.7	7.9	Đ	Đ	Đ	8.7	8.0	K	T	TT	Lên lớp	
37	Phạm Đoàn Anh	Tuấn		4.3	5.7	5.7	4.4	4.7	4.6	5.0	5.3	5.7	6.5	Đ	Đ	Đ	6.2	5.3	Tb	T		Lên lớp	
38	Nguyễn Quốc	Tuấn		3.6	5.2	3.7	5.1	5.0	5.3	5.4	4.3	7.0	5.8	Đ	Đ	Đ	6.6	5.2	Tb	K		Lên lớp	
39	Cao Quốc	Vinh		6.5	8.0	9.1	8.6	6.7	8.2	8.7	6.9	9.0	8.0	Đ	Đ	Đ	7.9	8.0	K	T	TT	Lên lớp	
40	Nguyễn Ngọc Hạ	Vy	x	3.9	6.8	7.6	6.2	5.7	7.9	6.6	5.3	8.0	7.4	Đ	Đ	Đ	7.1	6.6	Tb	T		Lên lớp	
41	Nguyễn Thị Kiều	Vy	x	5.4	7.5	6.7	8.3	6.1	8.7	9.1	5.1	9.1	7.6	Đ	Đ	Đ	7.8	7.4	Tb	T		Lên lớp	
42	Nguyễn Lan	Vy	x	3.7	6.1	5.0	5.8	6.5	6.7	6.3	4.6	8.4	5.5	Đ	Đ	Đ	7.3	6.0	Tb	K		Lên lớp	
43	Trần Ngọc Thanh	Vy	x	7.3	7.4	8.9	8.2	7.9	9.0	8.0	7.1	9.2	7.4	Đ	Đ	Đ	8.5	8.1	K	T	TT	Lên lớp	
44	Cao Nguyễn Ái	Xuân	x	4.7	6.8	6.5	6.8	5.4	6.8	6.6	5.1	7.6	5.6	Đ	Đ	Đ	7.6	6.3	Tb	T		Lên lớp	
45	Trương Như	Ý	x	6.2	8.0	9.4	9.1	8.1	9.2	7.9	7.6	8.9	8.3	Đ	Đ	Đ	8.7	8.3	K	T	TT	Lên lớp	

Giáo viên chủ nhiệm xác nhận  
(Ký và ghi rõ họ tên)